

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm

PHIL
INTER PHARMA

SDK:
Số lô SX:
NSX:
HD:

PHIL
INTER PHARMA

Simezione 240mg

PHILPEZON

PHIL PHIL INTER PHARMA INTER PHARMA

Keep out of reach of children
Read insert paper carefully
before use

Each soft capsule contains:
Sinecdonine.....240mg

**Indications, administration, contra-
indications & other information:**
See insert paper

Storage:
In a hermetic container, dry and cool
place, below 30°C, protect from light

Packages:
Box of 10 blisters x 10 soft capsules

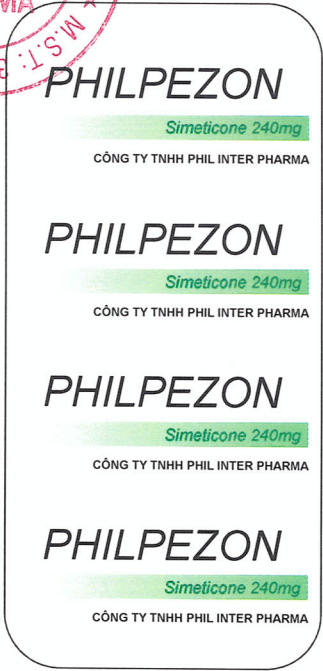
Specification: In-House

Thông số màu:

■ C: 53, Y: 100

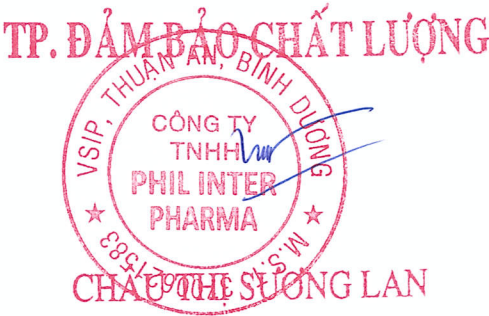
■ C: 20, Y: 100

C: 4, Y: 99



Thông số màu:
C: 53, Y: 100
C: 85, M: 35, Y: 100, K: 30

Số lô SX, HD sẽ được dập trên vỉ





PHILPEZON

*Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.*

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Mỗi viên nang mềm chứa:

Thành phần hoạt chất:

Simeticone 240 mg

Thành phần tá dược: Gelatin, glycerin đậm đặc, nước tinh khiết.

DẠNG BẢO CHẾ

Viên nang mềm hình bầu dục trong suốt, bên trong chứa dịch thuốc đục nhớt.

CHỈ ĐỊNH

Giảm triệu chứng đầy hơi ở người lớn.

CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

Cách dùng:

Dùng đường uống.

Uống nguyên viên cùng với một ly nước.

Thời gian điều trị không quá 10 ngày.

Liều dùng:

Uống 1 viên sau mỗi bữa ăn chính (bữa trưa và bữa tối).

Không dùng quá 480 mg mỗi ngày (2 viên nang mềm).

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn cảm với simeticone hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Nếu các triệu chứng vẫn tồn tại hoặc trầm trọng hơn, hoặc trong trường hợp táo bón kéo dài, bệnh nhân nên tham khảo ý kiến bác sĩ.

Simeticone không được khuyến cáo để điều trị cơn đau bụng ở trẻ em do thông tin sẵn có còn hạn chế.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Thời kỳ mang thai:

Không có dữ liệu hoặc dữ liệu còn hạn chế liên quan đến việc sử dụng simeticone ở phụ nữ mang thai.

Các nghiên cứu trên động vật là không đủ dữ liệu về độc tính sinh sản.

Không dự đoán được thuốc có gây hại cho thai nhi hay không, do hấp thu của simeticone qua đường tiêu hóa ở người mẹ bị hạn chế.

Thời kỳ cho con bú:

Không biết simeticone hoặc các chất chuyển hóa của nó có được bài tiết vào sữa mẹ hay không; Tuy nhiên, sự bài tiết này không dự đoán được do hấp thu của simeticone qua đường tiêu hóa ở người mẹ bị hạn chế.

Vì simeticone không hấp thu qua đường tiêu hóa, nên thuốc này có thể sử dụng cho phụ nữ mang thai và cho con bú.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Không có nghiên cứu nào được thực hiện về khả năng lái xe hoặc vận hành máy móc. Không có tác dụng nào được mô tả liên quan đến vấn đề này.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Chưa có nghiên cứu tương tác nào được thực hiện.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Trong thời gian sử dụng simeticone, các tác dụng không mong muốn sau đây đã được báo cáo, tần suất không thể xác định chính xác:

Rối loạn tiêu hóa: táo bón nhẹ thoáng qua và buồn nôn.

Có thể xuất hiện hiện tượng ợ hơi, đây là cơ chế bình thường để loại bỏ khí khi điều trị bằng phương pháp này.

Rối loạn hệ miễn dịch: phản ứng quá mẫn như phát ban da, ngứa, phù mắt hoặc lưỡi hoặc khó thở.

****Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.***

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Không có trường hợp quá liều nào được báo cáo.

Ngay cả khi uống một lượng lớn đáng kể so với liều khuyến cáo, rất ít khả năng xảy ra các tác dụng không mong muốn do thuốc không hấp thu qua đường uống.

Trong trường hợp quá liều do vô tình hoặc cố ý, hãy điều trị các triệu chứng có thể xuất hiện.

Không có quy trình đặc biệt nào được khuyến cáo.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm.

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC

Điều kiện bảo quản: Trong hộp kín, nơi khô mát, dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở.

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC

CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA

Số 20, đại lộ Hữu Nghị, KCN Việt Nam-Singapore (VSIP), phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

TP. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

